

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim Hoa.

Bà Lê Thị Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 322/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 51/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1992; nơi thường trú: Xóm A, xã K, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nơi tạm trú: Số D, khu phố Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Viên Hữu B, sinh năm 1985; nơi thường trú: Xóm A, xã K, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nơi tạm trú: Số X, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Viên Hữu B tự nguyện tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện C, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26, ngày 14 tháng 4 năm 2016. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn,

nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Viên Hải Đ, sinh ngày 08 tháng 6 năm 2016. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Ông Viên Hữu B không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Viên Hữu B đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông B không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà H khởi kiện ông B yêu cầu ly hôn, ông B hiện có đăng ký tạm trú và sinh sống tại số X, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Viên Hữu B theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông B không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của ông B trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Viên Hữu B tự nguyện tìm hiểu chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện C, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26, ngày 14 tháng 4 năm 2016, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng, bà H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, hay cãi vã, sống không hạnh phúc nên bà Hoa khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông B.

Xét thấy, mặc dù qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa bà Hoa và ông B chính quyền địa phương không nhận thấy mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông B không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm lẫn nhau, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau. Tòa án nhiều lần triệu tập ông B tham gia phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông B vắng mặt thể hiện thái độ không muốn hòa giải. Mặt khác, bà H xác định bà không còn tình cảm với ông B nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Hoa về việc ly hôn với ông B.

[3] Về con chung: Bà H và ông B có 01 con chung tên Viên Hải Đ, sinh ngày 08 tháng 6 năm 2016. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Xét thấy, hiện nay cháu Đ đang ở cùng bà H, tính đến thời điểm xét xử cháu Đ được hơn 04 tuổi nên rất cần có sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục của người mẹ. Do đó, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Viên Hữu B cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của

Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn ông Viên Hữu B về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Viên Hữu B.

- Về con chung: Giao cháu Viên Hải Đ, sinh ngày 08 tháng 6 năm 2016 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Viên Hữu B không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0046449 ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huệ

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Huệ